TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Số: **03**/2018/QĐST-DS*	*Rạch Giá, Ngày 01 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST-DS ngày 08/01/2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 13/3D đường P, phường T, Tp. G, Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966;

Bà Lê Thị H, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Số 52/23 đường Q, phường B, Tp. G, Kiên Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng công chứng số 1, tỉnh G

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh L, chức vụ: Trưởng phòng công chứng.

Địa chỉ: Số 02 đường T, phường T, Tp. G, Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn là bà Đỗ Thị K và bị đơn ông Lê Văn T, bà Lê Thị H thống nhất xác định và thỏa thuận:

Bà K và ông T, bà H đã tự nguyện giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh G ngày 07/6/2015; nhà và đất thế chấp tọa lạc tại số 52/23 đường Q, phường B, Tp. G, Kiên Giang theo Giấy chứng nhận số 5301052227 do UBND tỉnh G cấp ngày 16/10/2003 đứng tên Dương Văn T1, Nguyễn Thị L và được chỉnh lý biến động

sang tên ông Lê Văn T, bà Lê Thị H ngày 09/11/2004, hiện bà K đang giữ bản gốc giấy chứng nhận số 5301052227.

Hiện nay bà H và ông T còn nợ bà K số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Hai bên thống nhất tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 02/02/2017 đến ngày 24/02/2018 là 11 tháng 22 ngày và bà H, ông T tự nguyện trả cho bà K 03 tháng tiền lãi còn nợ bà K từ khi ký hợp đồng ngày 07/6/2015 đến nay (tổng cộng 14 tháng 22 ngày): Lãi suất được tính là [20%/năm : 12 tháng] = 1,666%/tháng (làm tròn thành 1,7%/tháng) x 14 tháng 22 ngày x 200.000.000 đồng = 50.093.000 đồng (hai bên thống nhất tính tròn 50.000.000 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Bà K và ông T, bà H thống nhất hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh G, số công chứng 5091, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/6/2015 ký kết giữa ông Lê Văn T, bà Lê Thị H với bà Đỗ Thị K.

Hai bên thống nhất thời hạn trả nợ như sau:

- Trong thời hạn 10 ngày (từ ngày 24/01/2018 đến đúng ngày 04/02/2018) bà H, ông T trả cho bà K số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng.

- Số tiền gốc và lãi còn lại là 100.000.000 đồng bà H, ông T sẽ trả cho bà K mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đầu tiên là vào ngày 04/3/2018 (dương lịch) và ngày 04 (bốn) hàng tháng tiếp theo cho đến khi dứt số tiền trên.

Khi ông T, bà H trả đủ số tiền nêu trên thì bà Đỗ Thị K có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị H bản gốc giấy chứng nhận số 5301052227 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16/10/2003 đứng tên Dương Văn T1, Nguyễn Thị L và được chỉnh lý biến động sang tên ông Lê Văn T, bà Lê Thị H ngày 09/11/2004.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền và bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Nếu ông T, bà H vi phạm một trong những lần cam kết trả nợ nêu trên thì bà K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá thi hành án đối với số tiền nợ thực tế còn lại bà H, ông T còn nợ bà K tại thời điểm yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền 250.000.000 đồng là: (250.000.000 đồng x 5%) : 2 = 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà H, ông T có đơn xin miễn giảm án phí được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí, nên được chấp nhận giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí bà H, ông T phải nộp là: 6.250.000 đồng x 50% = 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.100.000 đồng *(Bảy triệu một trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu số 0001664 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Tp. Rạch Giá;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TRẦN THU IN